

Bản án: 164/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-7-2019  
V/v “*tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Văn Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị Rạt;

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 510/2019/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2019 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Thái Thùy T, sinh năm 1993, có mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện H, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thuận A, sinh năm 1991, có mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện H, tỉnh K.

Tạm trú: Cả hai cùng ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 19/5/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Thái Thùy T trình bày tóm tắt như sau:*

Bà và ông Phạm Thuận A là vợ chồng, sống với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ M, huyện H, tỉnh K. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống không hợp, không đem lại hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng rạn nứt khó mong hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Phạm Thuận A.

Con chung: Bà và ông A sống với nhau có 01 con chung tên Phạm Thái Thùy D, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2015, hiện nay cháu Thùy D sống với bà do bà nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định, bà và ông A không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn:* Ông Phạm Thuận A trình bày: Ông xác nhận lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có mâu thuẫn những chuyện nhỏ trong gia đình, nay ông còn thương vợ, thương con không đồng ý ly hôn, ông hứa sẽ thay đổi, khắc phục nhược điểm để chăm lo cho gia đình, trường hợp Tòa án cho cho ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Toà, trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật, bà Thái Thùy T yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Thuận A, xét thấy đây là vụ án hôn nhân gia đình, thẩm quyền căn cứ vào Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông A cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn Thứ M, huyện H, tỉnh K cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 01/6/2015 (số 49/2015, quyển số 01/2015) nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông A được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3] Bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông A không quan tâm chăm sóc gia đình, từ đó vợ chồng ly thân từ năm 2017. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn ông A. Đối với ông A ông không đồng ý ly hôn ông yêu cầu được đoàn tụ.

Qua lời trình bày của các bên. Xét thấy, về tình cảm vợ chồng bà T cho rằng bà và ông A đã mâu thuẫn, ông A cũng thừa nhận việc này, chứng tỏ rằng về tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông A đã có mâu thuẫn thật sự, bà T yêu cầu ly hôn ông A không đồng ý, bà T và ông A thừa nhận cả hai đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, ông A không đến hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng cũng như tại Tòa ông yêu cầu hàn gắn tình cảm nhưng ông A không đưa ra được phương hướng khắc phục mâu thuẫn giữa ông và bà T, để bà T tha thứ bỏ qua về lại chung sống với ông. Mặt khác, tại Tòa bà T vẫn cương quyết ly hôn với ông A. Từ đó thấy, rằng mâu thuẫn giữa bà T và ông A là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2015 cho bà T được ly hôn với Ông Phạm Thuận A.

Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Thái Thùy D, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2015 không yêu cầu ông A cấp dưỡng và hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với ông A, ông cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thùy D cũng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ông A và bà T ly thân bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Thùy D vẫn mạnh khỏe và phát triển bình thường. Mặt khác, cháu Thùy D còn nhỏ tuổi là con gái nên để cháu Thùy D cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà Thái Thùy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận theo đơn khởi kiện của bà Thái Thùy T đối với ông Phạm Thuận A.

Về hôn nhân: Bà Thái Thùy T được ly hôn với ông Phạm Thuận A.

Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Thái Thùy T được quyền trực tiếp nuôi cháu Phạm Thái Thùy D, sinh ngày 27 tháng 11 năm 2015. Ông Phạm Thuận A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với ông A, không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết các bên có thể thay đổi tình trạng nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Thái Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004704 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để thi hành.

Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Tài**

